

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v *Tranh chấp: “Ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoài Phong

2. Ông Phan Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn:* Huỳnh Thị Cẩm L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 16/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm L chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị L không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 07/4/2011 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị L, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xin ly hôn với chị L, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Huỳnh Thị Cẩm L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung: Xét thấy, anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Cẩm L chung sống với nhau vào năm 2010, được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo anh T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L không quan tâm chăm sóc chồng con, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị L đã bỏ nhà đi từ năm 2014 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không có liên lạc với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi tòa án, chứng tỏ chị không có thiện chí đoàn tụ với anh T, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 07/4/2011, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Xét cháu T hiện đang sống với anh T, được anh chăm sóc từ năm 2014 đến nay và cháu cũng có nguyện vọng được sống với cha do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu T cần để anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm L.

Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 07/4/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0021332 ngày 09/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, anh T đã nộp xong án phí.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- UBND xã ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hà